

TÊN DOANH NGHIỆP

Số: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**

**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực...**

1. Tên doanh nghiệp: ...
2. Trụ sở chính: ...
3. Địa điểm sản xuất: ...
4. Điện thoại: ... Email: ...
5. Họ và tên Người đại diện theo pháp luật:
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
7. Vốn điều lệ:

Căn cứ điều kiện quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực ... xem xét:

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ cho (tên doanh nghiệp).

- Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ cho (tên doanh nghiệp), nội dung cụ thể như sau: ...

***Chúng tôi xin cam đoan:***

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực ...;

- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

**Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

***Hồ sơ gửi kèm: (Doanh nghiệp liệt kê các tài liệu gửi kèm).***

TÊN DOANH NGHIỆP/  
TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Số: ...

PHỤ LỤC SỐ 02  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP  
KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG**

**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)**

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức tín dụng: ...
2. Trụ sở chính: ...
3. Điện thoại: ... Email: ...
4. Họ và tên Người đại diện theo pháp luật:
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng số: ...
6. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số (đối với doanh nghiệp): ...
7. Vốn điều lệ: ...
8. Thời gian hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vàng: ...
9. Số lượng chi nhánh, địa điểm dự kiến kinh doanh mua, bán vàng miếng tại Việt Nam: ..

Căn cứ điều kiện quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số .../2025/TT-NHNN ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng cho (tên doanh nghiệp/tổ chức tín dụng).

***Chúng tôi xin cam đoan:***

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

**Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp/ TCTD**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

***Hồ sơ gửi kèm:*** (Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng liệt kê các tài liệu gửi kèm).

DOANH NGHIỆP/  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI  
Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP SẢN XUẤT VÀNG MIẾNG**

**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)**

1. Tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại: ...
2. Tên giao dịch đối ngoại (nếu có): ...
3. Họ và tên Người đại diện theo pháp luật: ...
3. Giấy đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại số: ...
4. Trụ sở chính: ...
5. Vốn điều lệ: ...
6. Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng số: ...

Căn cứ điều kiện quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số ... /2025/TT-NHNN ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp/sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng.

*Nêu rõ lý do đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng: ...*

**Chúng tôi xin cam đoan:**

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

**Người đại diện hợp pháp của  
doanh nghiệp/ ngân hàng thương mại  
(Ký, họ tên, đóng dấu)**

**Hồ sơ gửi kèm:** (Doanh nghiệp/Ngân hàng thương mại liệt kê các tài liệu gửi kèm)

TÊN DOANH NGHIỆP

PHỤ LỤC SỐ 04a  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

... , ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP  
TẠM NHẬP VÀNG NGUYÊN LIỆU ĐỂ TÁI XUẤT SẢN PHẨM**  
(áp dụng cho doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài)

**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...**

1. Tên doanh nghiệp: ...

2. Trụ sở chính: ...

3. Điện thoại: ...

Email: ...

4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: ...

5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ...

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ: ...

7. **Trường hợp đề nghị cấp Giấy phép:** Căn cứ quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 và hướng dẫn tại Thông tư số ... ngày ... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, (tên doanh nghiệp) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ... xem xét cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để gia công tái xuất sản phẩm với nội dung như sau:

1. Khối lượng vàng xin nhập khẩu (tính theo Kg): ...

2. Loại vàng xin nhập khẩu (theo Kara): ...

3. Cửa khẩu nhập khẩu: ...

4. Thời gian dự định nhập khẩu: ...

8. **Trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép:** Căn cứ Giấy phép số ... ngày ... của NHNN chi nhánh Khu vực ... và nhu cầu sửa đổi, bổ sung Giấy phép số ..., (tên doanh nghiệp) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ... xem xét sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để gia công tái xuất sản phẩm với nội dung như sau:

(nêu cụ thể nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung)

**Chúng tôi xin cam đoan:**

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực;

- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

**Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp**

(Ký tên, đóng dấu)

**Hồ sơ gửi kèm:**

(Doanh nghiệp liệt kê các tài liệu gửi kèm)

TÊN DOANH NGHIỆP

PHỤ LỤC SỐ 04b  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU**  
(áp dụng cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

1. Tên doanh nghiệp: ...
2. Trụ sở chính: ...
3. Điện thoại: ... Email: ...
4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: ...
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ...
6. Giấy chứng nhận đầu tư số: ... Ngày cấp: ...
7. Hình thức đầu tư: (100% vốn nước ngoài/liên doanh ...)
8. Tổng vốn đầu tư (theo Giấy chứng nhận đầu tư): ...  
Trong đó: - Vốn đầu tư: ...  
          - Vốn vay: ...
9. Tỷ lệ xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm tại Việt Nam (theo Giấy chứng nhận đầu tư): ...
10. Số lượng cán bộ, công nhân: ...
11. Thời gian bắt đầu đi vào hoạt động: ...

Căn cứ quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số ... ngày ... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, (tên doanh nghiệp) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực... xem xét cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ trong năm ... qua cửa khẩu ..., với nội dung như sau:

| Số  | Loại vàng   | Đơn vị tính | Số lượng | Giá trị (USD) |
|-----|-------------|-------------|----------|---------------|
| ... | ...         | ...         | ...      | ...           |
| ... | ...         | ...         | ...      | ...           |
|     | <b>Tổng</b> |             | ...      | ...           |

**Chúng tôi xin cam đoan:**

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực;
- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

**Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hồ sơ gửi kèm:** (Doanh nghiệp liệt kê các tài liệu gửi kèm).

TÊN DOANH NGHIỆP

PHỤ LỤC SỐ 05a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU,  
SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**

(áp dụng cho doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài)

Từ ... đến ...

| STT | Loại vàng (kara)                                  | Khối lượng<br>được cấp<br>phép (kg) | Tồn đầu kỳ         |                  | Thực nhập          |                  | Sản xuất           | Thực xuất          |                  | Tồn cuối kỳ           |                  |
|-----|---------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------|------------------|--------------------|------------------|--------------------|--------------------|------------------|-----------------------|------------------|
|     |                                                   |                                     | Khối<br>lượng (kg) | Giá trị<br>(USD) | Khối lượng<br>(kg) | Giá trị<br>(USD) | Khối<br>lượng (kg) | Khối lượng<br>(kg) | Giá trị<br>(USD) | Khối<br>lượng<br>(kg) | Giá trị<br>(USD) |
| (1) | (2)                                               | (3)                                 | (4)                | (5)              | (6)                | (7)              | (8)                | (9)                | (10)             | (11)                  | (12)             |
| I   | Tổng (I=I.1 + I.2 + I.3 +I.4)                     | ...                                 |                    | ...              |                    | ...              |                    |                    | ...              |                       | ...              |
| I.1 | Vàng TSMN 24k                                     | ...                                 | ...                | ...              | ...                | ...              | ...                | ...                | ...              | ...                   | ...              |
| I.2 | Vàng TSMN 18k                                     | ...                                 | ...                | ...              | ...                | ...              | ...                | ...                | ...              | ...                   | ...              |
| I.3 | Vàng TSMN 14k                                     | ...                                 | ...                | ...              | ...                | ...              | ...                | ...                | ...              | ...                   | ...              |
| I.4 | Tổng các loại vàng TSMN hàm<br>lượng khác quy 24k | ...                                 | ...                | ...              | ...                | ...              | ...                | ...                | ...              | ...                   | ...              |
| II  | Tổng (quy vàng 24k)                               | ...                                 | ...                |                  | ...                |                  | ...                | ...                |                  | ...                   |                  |

Người lập biểu

(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Đơn vị gửi báo cáo: Doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài
- Thời hạn gửi báo cáo: chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý tiếp theo quý báo cáo (đối với báo cáo quý), chậm nhất vào ngày 15 của tháng 01 của năm tiếp theo năm báo cáo (đối với báo cáo năm).
- Đơn vị nhận báo cáo: NHNN chi nhánh Khu vực
- Hướng dẫn lập báo cáo:
  - Số liệu của cột (4) và (5) của kỳ này phải bằng số liệu của cột (11) và (12) của kỳ trước liền kề.
  - Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.

TÊN DOANH NGHIỆP

PHỤ LỤC SỐ 05b  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀNG  
VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM VÀNG TẠI VIỆT NAM**

(áp dụng cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ)

Từ ... đến ...

| STT | Loại vàng (kỳ này)                             | Hạng | Tổng đầu tư | Tổng nhập | Tổng xuất | Tổng tiêu thụ | Tổng sản phẩm | Tổng tiêu thụ | Tổng sản phẩm | Tổng tiêu thụ | Tổng sản phẩm | Tổng tiêu thụ | Tổng sản phẩm | Tổng tiêu thụ | Tổng sản phẩm |
|-----|------------------------------------------------|------|-------------|-----------|-----------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| (1) | (2)                                            | (3)  | (4)         | (5)       | (6)       | (7)           | (8)           | (9)           | (10)          | (11)          | (12)          | (13)          | (14)          | (15)          | (16)          |
| I   | Tổng (I=L1 + L2 + L3 +L4)                      | ...  | ...         | ...       | ...       | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           |
| I.1 | Vàng TSMN 24k                                  | ...  | ...         | ...       | ...       | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           |
| I.2 | Vàng TSMN 18k                                  | ...  | ...         | ...       | ...       | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           |
| I.3 | Vàng TSMN 14k                                  | ...  | ...         | ...       | ...       | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           |
| I.4 | Tổng các loại vàng TSMN hàm lượng khác quy 24k | ...  | ...         | ...       | ...       | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           |
| II  | Tổng (quy vàng 24k)                            | ...  | ...         | ...       | ...       | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           | ...           |

Người lập biểu

(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Đơn vị gửi báo cáo: Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ
- Thời hạn gửi báo cáo: chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý tiếp theo quý báo cáo (đối với báo cáo quý), chậm nhất vào ngày 15 của tháng 01 của năm tiếp theo năm báo cáo (đối với báo cáo năm).
- Đơn vị nhận báo cáo: NHNN (Cục QLNH)
- Hướng dẫn lập báo cáo:
  - Số liệu của cột (4) và (5) của kỳ này phải bằng số liệu của cột (15) và (16) của kỳ trước liền kề.
  - Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.

TÊN DOANH NGHIỆP

PHỤ LỤC SỐ 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

**BẢNG KÊ TỜ KHAI HẢI QUAN (XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU/TẠM NHẬP TÁI XUẤT)**

*(áp dụng cho Doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài thực hiện tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm và Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ)*

| STT  | Số tờ khai | Ngày<br>đăng ký | Sản phẩm xuất khẩu |               | Vàng nguyên liệu nhập khẩu được sử dụng để sản xuất,<br>gia công sản phẩm xuất khẩu (chi tiết đối với từng tờ khai) |                 |               |
|------|------------|-----------------|--------------------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|
|      |            |                 | Khối lượng (kg)    | Giá trị (USD) | Loại vàng                                                                                                           | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) |
|      |            |                 |                    |               |                                                                                                                     |                 |               |
|      |            |                 |                    |               |                                                                                                                     |                 |               |
| Tổng |            |                 |                    |               |                                                                                                                     |                 |               |

Người lập biểu  
(Ký, họ tên, số điện thoại)

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số: ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày ... tháng .... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU**  
*(đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng)/*  
**GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU**  
*(đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam)*

**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)**

1. Tên doanh nghiệp:
2. Trụ sở chính:
3. Điện thoại: ... Email: ...
4. Giấy chứng nhận đầu tư số: ... Ngày cấp: ...
  - 4.1. Hình thức đầu tư: (100% vốn nước ngoài/ liên doanh...)
  - 4.2. Tổng vốn đầu tư (theo Giấy chứng nhận đầu tư):  
Trong đó: - Vốn đầu tư:  
- Vốn vay:
5. Giấy phép khai thác vàng *(đối với doanh nghiệp có nhu cầu xuất khẩu vàng nguyên liệu do doanh nghiệp khai thác):* ...

Căn cứ điều kiện quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2025 và hướng dẫn tại Thông tư số ... /2025/TT-NHNN ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép nhập khẩu/xuất khẩu vàng nguyên liệu cho... *(tên doanh nghiệp)* trong năm ... với nội dung cụ thể như sau:

1. Khối lượng vàng xin nhập khẩu/xuất khẩu (tính theo Kg):
2. Loại vàng xin nhập khẩu/xuất khẩu (theo hàm lượng vàng):
3. Mục đích nhập khẩu/xuất khẩu:
4. Cửa khẩu nhập khẩu/xuất khẩu:
5. Thời gian dự định nhập khẩu/xuất khẩu:

***Chúng tôi xin cam đoan:***

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

**Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

***Hồ sơ gửi kèm: (Doanh nghiệp liệt kê các tài liệu gửi kèm)***

TÊN DOANH NGHIỆP  
Số: ...

PHỤ LỤC SỐ 08  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHAI THÁC  
VÀ NHẬP KHẨU/XUẤT KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU**  
(áp dụng cho doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng  
và doanh nghiệp có giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam)  
(Báo cáo từ ... đến ...)

Theo Giấy phép số ... ngày ... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

| Loại vàng   | Sản lượng<br>khai thác (kg) | Hạn mức<br>được cấp (kg) | Đã thực hiện<br>(kg) | Lấy kể từ<br>đầu năm (kg) | Còn lại<br>(kg) |
|-------------|-----------------------------|--------------------------|----------------------|---------------------------|-----------------|
|             |                             |                          |                      |                           |                 |
|             |                             |                          |                      |                           |                 |
| <b>Tổng</b> |                             | ...                      | ...                  |                           | ...             |

Người lập biểu  
(Ký, họ tên, số điện thoại)

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Tên DOANH NGHIỆP/  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI  
Số: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP HẠN MỨC XUẤT KHẨU VÀNG MIẾNG/  
NHẬP KHẨU VÀNG MIẾNG/ NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

1. Tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại:
2. Trụ sở chính:
3. Giấy phép sản xuất vàng miếng số:

Căn cứ điều kiện quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/202NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số ... /2025/TT-NHNN ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho năm ..., cụ thể:

| STT | Xuất khẩu vàng miếng         |                      | Nhập khẩu vàng miếng         |                      | Nhập khẩu vàng nguyên liệu   |                      |
|-----|------------------------------|----------------------|------------------------------|----------------------|------------------------------|----------------------|
|     | Lượng vàng<br>(hàng triệu %) | Giá trị<br>(tỷ đồng) | Lượng vàng<br>(hàng triệu %) | Giá trị<br>(tỷ đồng) | Lượng vàng<br>(hàng triệu %) | Giá trị<br>(tỷ đồng) |
| 1   |                              |                      |                              |                      |                              |                      |
| 2   |                              |                      |                              |                      |                              |                      |
| ... |                              |                      |                              |                      |                              |                      |

4. Mục đích nhập khẩu vàng nguyên liệu (đối với đề nghị cấp Hạn mức nhập khẩu vàng nguyên liệu):

| STT | Mục đích                                                                                                                            | Nhập khẩu vàng nguyên liệu   |                      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------|
|     |                                                                                                                                     | Lượng vàng<br>(hàng triệu %) | Giá trị<br>(tỷ đồng) |
| 1   | Sản xuất vàng miếng và bán cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng                            |                              |                      |
| 2   | Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và bán cho các doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ |                              |                      |

**Chúng tôi xin cam đoan:**

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

**Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp/ngân hàng thương mại**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hồ sơ gửi kèm:** (Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại liệt kê các tài liệu gửi kèm)

Tên DOANH NGHIỆP/  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI  
Số: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU VÀNG MIẾNG/  
NHẬP KHẨU VÀNG MIẾNG/ NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

1. Tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại:

2. Trụ sở chính:

3. Giấy phép sản xuất vàng miếng số:

Căn cứ điều kiện quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng/Giấy phép nhập khẩu vàng miếng/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu trong thời hạn ... cụ thể:

| STT         | Loại vàng<br>(Vàng miếng/ nguyên liệu) | Hàm lượng<br>(%) | Khối lượng<br>(kg) | Giá trị ước tính<br>(USD) |
|-------------|----------------------------------------|------------------|--------------------|---------------------------|
| 1           |                                        |                  |                    |                           |
| 2           |                                        |                  |                    |                           |
| ...         |                                        |                  |                    |                           |
| <b>Tổng</b> |                                        |                  |                    |                           |

4. Mục đích nhập khẩu vàng nguyên liệu (đối với đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu):

| STT | Mục đích                                                                                                                            | Nhập khẩu vàng nguyên liệu |                 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------|
|     |                                                                                                                                     | Loại vàng<br>(hàm lượng %) | Khối lượng (kg) |
| 1   | Sản xuất vàng miếng và bán cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng                            |                            |                 |
| 2   | Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và bán cho các doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ |                            |                 |

5. Cửa khẩu dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu:

**Chúng tôi xin cam đoan:**

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

**Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp  
/ngân hàng thương mại  
(Ký, họ tên, đóng dấu)**

**Hồ sơ gửi kèm:** (Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại liệt kê các tài liệu gửi kèm)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM  
CHI NHÁNH KHU VỰC...

PHỤ LỤC SỐ 11  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

..., ngày... tháng... năm...

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC MỸ NGHỆ**

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CHI NHÁNH KHU VỰC.....**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;*

*Xét đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và Hồ sơ kèm theo của ...,*

**CHỨNG NHẬN**

**Điều 1. Chứng nhận:**

1. Tên doanh nghiệp:
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
3. Địa chỉ trụ sở chính:

Địa điểm sản xuất:

**đủ điều kiện và được phép hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.**

**Điều 2.** Trong quá trình hoạt động doanh nghiệp phải chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Nghị định số 232/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư số ... /2025/TT-NHNN ngày ..... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 3.** Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp...;
- Lưu: NHNN CN Khu vực...

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM  
CHI NHÁNH KHU VỰC...

PHỤ LỤC SỐ 12  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

..., ngày... tháng... năm...

### QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CHI NHÁNH KHU VỰC...**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số .../2025/TT-NHNN ngày ... hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;*

*Xét văn bản đề nghị số ... ngày ... của (tên doanh nghiệp) và hồ sơ kèm theo,*

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Các nội dung ... tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của (tên doanh nghiệp) số ... ngày... được sửa đổi, bổ sung như sau:

.....  
**Điều 2.** Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của (tên doanh nghiệp) có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.

**GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp ...;
- Lưu: NHNN CN Khu vực...

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM  
CHI NHÁNH KHU VỰC ...

PHỤ LỤC SỐ 13a  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP/ GIẤY PHÉP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠM NHẬP  
VÀNG NGUYÊN LIỆU ĐỂ TÁI XUẤT SẢN PHẨM**

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC ...**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP*

*Căn cứ Thông tư số ... ngày ... hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Giấy phép ... ngày... (đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Giấy phép);*

*Xét đơn đề nghị cấp/ sửa đổi bổ sung Giấy phép tạm nhập khẩu vàng nguyên liệu và hồ sơ kèm theo của doanh nghiệp ...;*

*Theo đề nghị của ... ,*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1. (Trường hợp cấp Giấy phép)** Cho phép doanh nghiệp ... được nhập khẩu vàng nguyên liệu với khối lượng ... Kg (*Bằng chữ*) qua cửa khẩu ... trong năm ... để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ xuất khẩu, cụ thể như sau:

| <i>Loại vàng<br/>(tính bằng đơn vị)</i> |     |
|-----------------------------------------|-----|
| 24K                                     |     |
| 18K                                     |     |
| ....                                    | ... |
| <b>Tổng</b>                             |     |

Việc tái xuất sản phẩm thực hiện trong thời hạn có giá trị của Giấy phép.

**(Trường hợp sửa đổi, bổ sung Giấy phép)** Sửa đổi, bổ sung Giấy phép số ... ngày ... với nội dung cụ thể như sau: (*nêu cụ thể nội dung sửa đổi, bổ sung*)

**Điều 2.** Yêu cầu doanh nghiệp chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP), Thông tư số ... ngày ... hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP).

**Điều 3.** Giấy phép này có giá trị đến hết ngày ... .

**GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp...;
- Cục Hải quan;
- Lưu: ...

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM  
CHI NHÁNH KHU VỰC...

PHỤ LỤC SỐ 13b  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

## GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU

### GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC...

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số .../2025/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu và hồ sơ kèm theo của (tên doanh nghiệp);

Theo đề nghị của .....

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Cho phép doanh nghiệp ... được nhập khẩu vàng nguyên liệu với khối lượng ... Kg (*Bằng chữ*) qua cửa khẩu ... trong năm ... để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, cụ thể như sau:

| Loại vàng<br>(hàm lượng theo kara) | Khối lượng<br>(Kg) |
|------------------------------------|--------------------|
| 24K                                |                    |
| 18K                                |                    |
| ....                               | ...                |
| <b>Tổng</b>                        |                    |

**Điều 2.** Yêu cầu doanh nghiệp chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP), Thông tư số .../2025/TT-NHNN ngày ... hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP).

**Điều 3.** Giấy phép này có giá trị đến hết ngày ... .

**GIÁM ĐỐC**

*Nơi nhận:*

- Doanh nghiệp...;
- Cục Hải quan;
- Lưu: ..

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM

Số: /GP-NHNN

PHỤ LỤC SỐ 15  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

## GIẤY PHÉP KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG

### THÔNG ĐỌC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;*

*Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng và hồ sơ kèm theo;  
Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối,*

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1. Cho phép:**

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức tín dụng:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

**hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng.**

**Điều 2. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.**

**Điều 3. Giấy phép này được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho (tên tổ chức tín dụng/doanh nghiệp), ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực..../.**

*Nơi nhận:*

- DN/TCTD;
- NHNN CN Khu vực...;
- Thanh tra NHNN;
- Lưu: VP, QLNN.

**THÔNG ĐỌC**

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM**

**PHỤ LỤC SỐ 14**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU**  
(đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng)/  
**XUẤT KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU**  
(đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam)

**THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Cho phép doanh nghiệp ... được nhập khẩu do Công ty khai thác vàng từ nước ngoài/xuất khẩu vàng nguyên liệu do Công ty khai thác trong nước với khối lượng... Kg (Bằng chữ) qua cửa khẩu....., cụ thể như sau:

| <b>Loại vàng</b><br>(hàm lượng theo kara) | <b>Khối lượng</b><br>(Kg) |
|-------------------------------------------|---------------------------|
| 24K                                       |                           |
| 18K                                       |                           |
| ....                                      | ....                      |
| <b>Tổng</b>                               |                           |

Doanh nghiệp... tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc vàng nguyên liệu nhập khẩu là do Công ty ... khai thác được từ nước ngoài/xuất khẩu là do Công ty ... đã khai thác trong nước.

**Điều 2.** Yêu cầu Công ty chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Nghị định số 232/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư số ... ngày ..... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 3.** Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.....

**THÔNG ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp...;
- Cục Hải quan;
- NHNN CN Khu vực...;
- Lưu: VP, QLNH.

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM**

**PHỤ LỤC SỐ 16**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-NHNN

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP SẢN XUẤT VÀNG MIÉNG/  
QUYẾT ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP SẢN XUẤT VÀNG MIÉNG**

**THÔNG ĐỌC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;*

*Xét đơn đề nghị cấp/sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng và hồ sơ kèm theo của doanh nghiệp/ngân hàng thương mại.....;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối,*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1. Cho phép**

1. Tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại:

2. Trụ sở chính:

**được phép sản xuất vàng miếng.**

**Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**

**Điều 3.** Quyết định này được lập thành năm (06) bản chính: một (01) bản cấp cho doanh nghiệp/ngân hàng thương mại..., ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực (nơi doanh nghiệp/ngân hàng thương mại đặt trụ sở chính), một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (đối với trường hợp nơi doanh nghiệp/ngân hàng thương mại đặt cơ sở sản xuất khác với trụ sở chính)/.

**Nơi nhận:**

- DN/NHTM;
- Thanh tra NHNN;
- NHNN CN Khu vực...;
- Lưu: VP, QLNH.

**THÔNG ĐỌC**

Số:

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

**HẠN MỨC XUẤT KHẨU VÀNG MIẾNG,  
NHẬP KHẨU VÀNG MIẾNG, NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU**

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối,*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1. Cho phép**

- Tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại:
- Trụ sở chính:
- Giấy phép sản xuất vàng miếng số:

Được xuất khẩu vàng miếng/nhập khẩu vàng miếng/nhập khẩu vàng nguyên liệu trong năm ..... cụ thể như sau:

| STT | Xuất khẩu vàng miếng       |                    | Nhập khẩu vàng miếng       |                    | Nhập khẩu vàng nguyên liệu |                    |
|-----|----------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|
|     | Loại vàng<br>(hàm lượng %) | Khối lượng<br>(kg) | Loại vàng<br>(hàm lượng %) | Khối lượng<br>(kg) | Loại vàng<br>(hàm lượng %) | Khối lượng<br>(kg) |
| 1   |                            |                    |                            |                    |                            |                    |
| 2   |                            |                    |                            |                    |                            |                    |
| ... |                            |                    |                            |                    |                            |                    |

4. Mục đích nhập khẩu vàng nguyên liệu (đối với đề nghị cấp Hạn mức nhập khẩu vàng nguyên liệu):

| STT | Mục đích                                                                                                                            | Nhập khẩu vàng nguyên liệu |                 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------|
|     |                                                                                                                                     | Loại vàng<br>(hàm lượng %) | Khối lượng (kg) |
| 1   | Sản xuất vàng miếng và bán cho doanh nghiệp, NHTM được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng                                            |                            |                 |
| 2   | Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và bán cho các doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ |                            |                 |

5. Doanh nghiệp/ngân hàng thương mại... có trách nhiệm tự thu xếp nguồn ngoại tệ để thực hiện nhập khẩu vàng; tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc vàng dùng để xuất khẩu/nhập khẩu.

6. Yêu cầu doanh nghiệp/ngân hàng thương mại chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Nghị định số 232/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày ..... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

7. Hạn mức này có giá trị đến hết ngày.....

**Điều 2.** Quyết định này được lập thành năm (06) bản chính: một (01) bản cấp cho doanh nghiệp/ngân hàng thương mại..., ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (nơi doanh nghiệp/ngân hàng thương mại đặt trụ sở chính, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực... (nơi doanh nghiệp/ngân hàng thương mại đặt cơ sở sản xuất)./.

**Nơi nhận:**

- DN/NHTM;
- Cục Hải quan (để phối hợp);
- NHNN CN Khu vực...;
- Lưu: VP, QLNH.

**THÔNG ĐỐC**

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM

Số: /GP-NHNN

PHỤ LỤC SỐ 18  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm...

**GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU VÀNG MIÉNG/  
NHẬP KHẨU VÀNG MIÉNG/ NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU**

**THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối,*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1. Cho phép**

1. Tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại:

2. Trụ sở chính:

3. Giấy phép sản xuất vàng miếng số:

Được xuất khẩu vàng miếng/nhập khẩu vàng miếng/nhập khẩu vàng vàng nguyên liệu với khối lượng... Kg (*Bằng chữ*) qua cửa khẩu....., cụ thể như sau:

| STT  | Loại vàng<br>(Vàng miếng/ nguyên liệu) | Hàm lượng<br>(%) | Khối lượng<br>(kg) |
|------|----------------------------------------|------------------|--------------------|
| 1    |                                        |                  |                    |
| 2    |                                        |                  |                    |
| ...  |                                        |                  |                    |
| Tổng |                                        |                  |                    |

4. Mục đích nhập khẩu vàng nguyên liệu (*đối với đề nghị cấp Hạn mức nhập khẩu vàng nguyên liệu*):

| STT | Mục đích                                                                                                                            | Nhập khẩu vàng nguyên liệu |                 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------|
|     |                                                                                                                                     | Loại vàng<br>(hàm lượng %) | Khối lượng (kg) |
| 1   | Sản xuất vàng miếng và bán cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng                            |                            |                 |
| 2   | Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và bán cho các doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ |                            |                 |

5. Doanh nghiệp/ngân hàng thương mại... có trách nhiệm tự thu xếp nguồn ngoại tệ để thực hiện nhập khẩu vàng; tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc vàng dùng để xuất khẩu/nhập khẩu.

6. Yêu cầu doanh nghiệp/ngân hàng thương mại chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Nghị định số 232/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày ..... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

7. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.....

**Điều 2.** Quyết định này được lập thành năm (06) bản chính: một (01) bản cấp cho doanh nghiệp/ngân hàng thương mại..., ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (nơi doanh nghiệp/ngân hàng thương mại đặt trụ sở chính, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực... (nơi doanh nghiệp/ngân hàng thương mại đặt cơ sở sản xuất)/.

**Nơi nhận:**

- DN/NHTM;
- Cục Hải quan (để phối hợp);
- NHNN CN Khu vực...;
- Lưu: VP, QLNH.

**THÔNG ĐỐC**

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM  
CHI NHÁNH KHU VỰC...

PHỤ LỤC SỐ 19  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

..., ngày... tháng... năm...

## QUYẾT ĐỊNH

về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

### GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC...

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;*

*Xét văn bản đề nghị số ... ngày ... của (tên doanh nghiệp) và hồ sơ kèm theo,*

*Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát, văn bản đề nghị số ... ngày ... của (tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền),*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ:

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

**Điều 2.** (trường hợp doanh nghiệp bị yêu cầu chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ)

Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định này, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận (nếu có), đồng thời chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp;
- Lưu: NHNN Khu vực....

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM**

Số: /QĐ-NHNN

**PHỤ LỤC SỐ 20**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**về việc thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng**

**THÔNG ĐỌC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số .../2025/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;*

*Xét văn bản đề nghị số ... ngày ... của (tên doanh nghiệp, tổ chức tín dụng) và hồ sơ kèm theo;/ Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát, văn bản đề nghị số ... ngày ... của (tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền);*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối,*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng của doanh nghiệp/tổ chức tín dụng sau:

Tên doanh nghiệp/tổ chức tín dụng:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Điều 2.** *(Trường hợp doanh nghiệp/tổ chức tín dụng bị yêu cầu chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng)*

Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định này, (tên doanh nghiệp/tổ chức tín dụng) có trách nhiệm nộp lại bản chính Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy phép (nếu có), đồng thời chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**THÔNG ĐỌC**

**Nơi nhận:**

- DN/TCTD;
- Thanh tra NHNN;
- NHNN CN Khu vực...;
- Lưu: VP, QLNN.

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM**

Số: /QĐ-NHNN

**PHỤ LỤC SỐ 21**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

**QUYẾT ĐỊNH**  
**về việc thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối,*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Thu hồi Giấy phép số ... ngày ... tháng ... năm ... và Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có) đã cấp cho (tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại)

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

1. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại) có trách nhiệm chấm dứt ngay hoạt động sản xuất vàng miếng.

2. Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng có hiệu lực, (tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại) bị thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng nộp lại bản chính Giấy phép sản xuất vàng miếng và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).

**Điều 3:** (Tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- DN/NHTM ... ;
- Thanh tra NHNN;
- NHNN CN Khu vực...;
- Lưu: VP, QLNH.

**THÔNG ĐỌC**

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM  
CHI NHÁNH KHU VỰC...

Số: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG**  
*Quý ... / Năm ...*

- Số lượng doanh nghiệp sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ trên địa bàn: ...
- Số liệu báo cáo tổng hợp (của các doanh nghiệp tại Mục 1):

| STT        | Loại vàng (kara)                                      | Khối lượng Sản phẩm vàng TSMN | Số lượng Sản phẩm | Giá trị Sản phẩm | Giá trị Sản phẩm | Giá trị Sản phẩm |
|------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------|------------------|------------------|------------------|
| (1)        | (2)                                                   | (3)                           | (4)               | (5)              | (6)              | (7)              |
| <b>I</b>   | <b>Tổng (I=I.1 + I.2 + I.3 +I.4)</b>                  | ...                           | ...               |                  |                  |                  |
| <i>I.1</i> | <i>Vàng TSMN 24k</i>                                  | ...                           | ...               | ...              | ...              | ...              |
| <i>I.2</i> | <i>Vàng TSMN 18k</i>                                  | ...                           | ...               | ...              | ...              | ...              |
| <i>I.3</i> | <i>Vàng TSMN 14k</i>                                  | ...                           | ...               | ...              | ...              | ...              |
| <i>I.4</i> | <i>Tổng các loại vàng TSMN hàm lượng khác quy 24k</i> | ...                           | ...               | ...              | ...              | ...              |
| <b>II</b>  | <b>Tổng (quy vàng 24k)</b>                            | ...                           |                   |                  |                  |                  |

3. Số lượng doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài thực hiện nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm sản xuất vàng trên địa bàn: ...

4. Số liệu báo cáo tổng hợp (của các doanh nghiệp tại Mục 3):

| STT | Loại vàng (kara)                               | Hạn mức<br>(kg) | Tồn đầu kỳ         |                  | Thực nhập          |                  | Sản xuất           | Thực xuất          |                  | Tồn cuối kỳ        |                  |
|-----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|------------------|--------------------|------------------|--------------------|--------------------|------------------|--------------------|------------------|
|     |                                                |                 | Khối lượng<br>(kg) | Giá trị<br>(USD) | Khối lượng<br>(kg) | Giá trị<br>(USD) | Khối lượng<br>(kg) | Khối lượng<br>(kg) | Giá trị<br>(USD) | Khối lượng<br>(kg) | Giá trị<br>(USD) |
| (1) | (2)                                            | (3)             | (4)                | (5)              | (6)                | (7)              | (8)                | (9)                | (10)             | (11)               | (12)             |
| I   | Tổng (I=I.1 + I.2 + I.3 +I.4)                  | ...             |                    | ...              |                    | ...              |                    |                    | ...              |                    | ...              |
| I.1 | Vàng TSMN 24k                                  | ...             | ...                | ...              | ...                | ...              | ...                | ...                | ...              | ...                | ...              |
| I.2 | Vàng TSMN 18k                                  | ...             | ...                | ...              | ...                | ...              | ...                | ...                | ...              | ...                | ...              |
| I.3 | Vàng TSMN 14k                                  | ...             | ...                | ...              | ...                | ...              | ...                | ...                | ...              | ...                | ...              |
| I.4 | Tổng các loại vàng TSMN hàm lượng khác quy 24k | ...             | ...                | ...              | ...                | ...              | ...                | ...                | ...              | ...                | ...              |
| II  | Tổng (quy vàng 24k)                            | ...             | ...                |                  | ...                |                  | ...                | ...                |                  | ...                |                  |

5. Số lượng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng TSMN trên địa bàn: ...

6. Số liệu báo cáo tổng hợp (của các doanh nghiệp tại Mục 5):

| STT | Loại vàng (kara) | Hạn mức (kg) | Tồn đầu kỳ      |               | Thực nhập       |               | Mua trong nước  |               | Sản xuất | Thực xuất       |               | Bán trong nước  |               | Tồn cuối kỳ     |               |
|-----|------------------|--------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|----------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|
|     |                  |              | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kg) | Giá trị (VND) |          | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kg) | Giá trị (VND) | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) |
| (1) | (2)              | (3)          | (4)             | (5)           | (6)             | (7)           | (8)             | (9)           | (10)     | (11)            | (12)          | (13)            | (14)          | (15)            | (16)          |

|            |                                                       |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |
|------------|-------------------------------------------------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| <b>I</b>   | <b>Tổng (I=I.1 + I.2 + I.3 +I.4)</b>                  | ... |     | ... |     | ... |     | ... |     |     | ... |     | ... |     | ... |
| <i>I.1</i> | <i>Vàng TSMN 24k</i>                                  | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| <i>I.2</i> | <i>Vàng TSMN 18k</i>                                  | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| <i>I.3</i> | <i>Vàng TSMN 14k</i>                                  | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| <i>I.4</i> | <i>Tổng các loại vàng TSMN hàm lượng khác quy 24k</i> | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| <b>II</b>  | <b>Tổng (quy vàng 24k)</b>                            | ... | ... |     | ... |     | ... |     | ... | ... |     | ... |     | ... |     |

**GIÁM ĐỐC****Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: NHNN CN Khu vực ...;

**1. Đơn vị gửi báo cáo:** NHNN Chi nhánh khu vực

**2. Yêu cầu số liệu báo cáo:** Đây là mẫu báo cáo của NHNN Chi nhánh khu vực tổng hợp số liệu gửi NHNN.

**3. Thời hạn gửi báo cáo:** chậm nhất vào ngày 20 của tháng đầu quý tiếp theo quý báo cáo (đối với báo cáo quý), chậm nhất vào ngày 20 của tháng 01 của năm tiếp theo năm báo cáo (đối với báo cáo năm).

**4. Đơn vị nhận báo cáo:** NHNN (Cục QLNH)

**5. Hướng dẫn lập báo cáo:**

- **Số lượng doanh nghiệp:** Tổng số doanh nghiệp được cấp phép thực hiện hoạt động do các NHNN chi nhánh khu vực quản lý.
- **Số liệu báo cáo tổng hợp:** số liệu tổng hợp của tất cả các doanh nghiệp thực hiện hoạt động trên địa bàn khu vực.
- Bảng tại Mục 4: Số liệu cột (4) và (5) của quý này phải bằng số liệu cột (11) và (12) của quý trước.
- Bảng tại Mục 6: Số liệu cột (4) và (5) của quý này phải bằng số liệu cột (15) và (16) của quý trước.
- Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG/  
DOANH NGHIỆPCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ....

... , ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Cục quản lý ngoại hối)

**BÁO CÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG THÔNG TIN TRÊN  
GIẤY PHÉP KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG VÀ  
ĐIỀU CHỈNH ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG**  
(Quý ... năm...)

Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng số... ngày...

**1. Báo cáo nội dung thay đổi thông tin trên Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng**

| STT | Nội dung thông tin trên Giấy phép | Trước thay đổi | Sau thay đổi | Số, ngày đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp |
|-----|-----------------------------------|----------------|--------------|--------------------------------------------------|
| 1   | Tên TCTD/doanh nghiệp             |                |              |                                                  |
| 2   | Địa chỉ trụ sở chính              |                |              |                                                  |
| 3   | Vốn điều lệ                       |                |              |                                                  |

**2. Báo cáo mạng lưới kinh doanh mua, bán vàng miếng**

| STT | Nội dung                                                                        | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1   | Tổng số địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng quý trước                       |          |
| 2   | Số địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng thay đổi tên, địa chỉ                |          |
| 3   | Số địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng bổ sung trong quý báo cáo            |          |
| 4   | Số địa điểm chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng trong quý báo cáo |          |
| 5   | Tổng số địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng đến hết quý báo cáo             |          |

**3. Danh sách địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng thay đổi tên, địa chỉ**

| STT | Trước thay đổi |         | Sau thay đổi |         | Số, ngày đăng ký kinh doanh của địa điểm thay đổi |
|-----|----------------|---------|--------------|---------|---------------------------------------------------|
|     | Tên            | Địa chỉ | Tên          | Địa chỉ |                                                   |
| 1   |                |         |              |         |                                                   |
| ... |                |         |              |         |                                                   |

**4. Danh sách địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng bổ sung**

| STT | Tên địa điểm | Địa chỉ | Số, ngày đăng ký kinh doanh của địa điểm bổ sung |
|-----|--------------|---------|--------------------------------------------------|
| 1   |              |         |                                                  |
| ... |              |         |                                                  |

**5. Danh sách địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng chấm dứt hoạt động**

| STT | Tên địa điểm | Địa chỉ | Số, ngày đăng ký kinh doanh của địa điểm chấm dứt |
|-----|--------------|---------|---------------------------------------------------|
| 1   |              |         |                                                   |
| ... |              |         |                                                   |

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên, số điện thoại)

**Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp/  
tổ chức tín dụng/ (Ký, họ tên, đóng dấu)**

- Đơn vị gửi báo cáo:** TCTD/ doanh nghiệp được phép kinh doanh mua, bán vàng miếng
- Thời hạn gửi báo cáo:** chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý tiếp theo quý báo cáo (đối với báo cáo quý), chậm nhất vào ngày 15 của tháng 01 của năm tiếp theo năm báo cáo (đối với báo cáo năm).
- Đơn vị nhận báo cáo:** NHNN (Cục QLNH)

Tên DOANH NGHIỆP

PHỤ LỤC SỐ 24  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ....

### BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ

(Áp dụng cho doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ)

Báo cáo quý... / Năm...

| STT | Loại vàng (kara)                               | Khối lượng SX<br>vàng TSMN<br>(kg) | Trị giá<br>(triệu đồng) | Lũy kế từ<br>đầu năm<br>(kg) | Thay đổi so<br>với kỳ trước<br>(%) | Dự kiến<br>kỳ tiếp theo<br>(kg) |
|-----|------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------|------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|
| (1) | (2)                                            | (3)                                | (4)                     | (5)                          | (6)                                | (7)                             |
| I   | Tổng (I=I.1 + I.2 + I.3 +I.4)                  | ...                                | ...                     |                              |                                    |                                 |
| I.1 | Vàng TSMN 24k                                  | ...                                | ...                     | ...                          | ...                                | ...                             |
| I.2 | Vàng TSMN 18k                                  | ...                                | ...                     | ...                          | ...                                | ...                             |
| I.3 | Vàng TSMN 14k                                  | ...                                | ...                     | ...                          | ...                                | ...                             |
| I.4 | Tổng các loại vàng TSMN hàm lượng khác quy 24k | ...                                | ...                     | ...                          | ...                                | ...                             |
| II  | Tổng (quy vàng 24k)                            | ...                                |                         |                              |                                    |                                 |

Người lập biểu  
(Ký, họ tên, điện thoại liên hệ)

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Đơn vị gửi báo cáo: Doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ
- Thời hạn gửi báo cáo: chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý tiếp theo quý báo cáo (đối với báo cáo quý), chậm nhất vào ngày 15 của tháng 01 của năm tiếp theo năm báo cáo (đối với báo cáo năm).
- Đơn vị nhận báo cáo: NHNN chi nhánh Khu vực.
- Hướng dẫn lập báo cáo: Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.

Tên NHTM/ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Cục quản lý ngoại hối)

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀNG MIẾNG**

(Áp dụng cho doanh nghiệp, NHTM được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng)

Tháng ... /Năm ...

| #         | Loại vàng                                                            | Tháng ... /Năm ... | Tháng ... /Năm ... | Tháng ... /Năm ... |
|-----------|----------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| (1)       | (2)                                                                  | (3)                | (4)                | (5)                |
| <b>I</b>  | <b>Thương hiệu A (<math>I = I.1 + I.2 + \dots + I.n</math>)</b>      | ...                | ...                | ...                |
| I.1       | Ngày .../.../...                                                     | ...                | ...                | ...                |
| I.2       | Ngày .../.../...                                                     | ...                | ...                | ...                |
|           | ...                                                                  | ...                | ...                | ...                |
| I.n       | Ngày .../.../...                                                     | ...                | ...                | ...                |
| <b>II</b> | <b>Thương hiệu B (<math>II = II.1 + II.2 + \dots + II.n</math>)</b>  | ...                | ...                | ...                |
| II.1      | Ngày .../.../...                                                     | ...                | ...                | ...                |
| II.2      | Ngày .../.../...                                                     | ...                | ...                | ...                |
|           | ...                                                                  | ...                | ...                | ...                |
| II.n      | Ngày .../.../...                                                     | ...                | ...                | ...                |
| <b>N</b>  | <b>Thương hiệu N (<math>N = N.1 + N.2 + \dots + N.n</math>)</b>      | ...                | ...                | ...                |
| N.1       | Ngày .../.../...                                                     | ...                | ...                | ...                |
| N.2       | Ngày .../.../...                                                     | ...                | ...                | ...                |
|           | ...                                                                  | ...                | ...                | ...                |
| N.n       | Ngày .../.../...                                                     | ...                | ...                | ...                |
|           | ...                                                                  | ...                | ...                | ...                |
|           | <b>Tổng khối lượng sản xuất trong tháng<br/>(= I + II + ... + N)</b> | ...                | ...                | ...                |

Người lập biểu  
(Ký, họ tên, điện thoại liên hệ)Người đại diện hợp pháp của  
doanh nghiệp/ngân hàng thương mại  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**1. Đơn vị gửi báo cáo:** NHTM, doanh nghiệp được phép sản xuất vàng miếng

**2. Yêu cầu số liệu báo cáo:** Trữ sở chính của NHTM, doanh nghiệp tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi NHNN

**3. Đơn vị nhận báo cáo:** NHNN (Cục Quản lý ngoại hối)

**4. Thời hạn gửi báo cáo:** chậm nhất vào ngày 08 của tháng tiếp theo tháng báo cáo (đối với báo cáo tháng), chậm nhất vào ngày 15 của tháng 01 năm tiếp theo năm báo cáo (đối với báo cáo năm).

**5. Hướng dẫn lập báo cáo:**

- Báo cáo chi tiết theo khối lượng sản xuất vàng miếng của từng thương hiệu vàng miếng của từng ngày phát sinh hoạt động sản xuất vàng miếng trong tháng báo cáo.

- Cột (3) là khối lượng sản xuất vàng miếng loại vàng miếng có định lượng là 10 chỉ (1 lượng) (*liệt kê theo thương hiệu và ngày sản xuất*)

- Cột (4) là tổng khối lượng sản xuất vàng miếng của các loại vàng miếng có định lượng khác 10 chỉ (như 1 chỉ, 2 chỉ, 5 chỉ ...) (*liệt kê theo thương hiệu và ngày sản xuất*).

- Cột (5) = tổng của cột (3) và cột (4)

Tên NHTM/ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀNG MIÉNG VÀ VÀNG NGUYÊN LIỆU**

(Áp dụng cho doanh nghiệp, NHTM được cấp Giấy phép xuất/ nhập khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu)

Tháng ... / Năm ...

| Hoạt động  |                                                                                  | Đơn vị tính |     |     | Đơn vị tính |     |     | Đơn vị tính |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----|-----|-------------|-----|-----|-------------|
| (1)        | (2)                                                                              | (3)         | (4) | (5) | (6)         | (7) | (8) | (9)         |
| <b>I</b>   | <b>NHẬP KHẨU VÀNG MIÉNG (I=I.1 + I.2 + ...)</b><br>(chi tiết theo thương hiệu)   | ...         |     |     |             | ... | ... | ...         |
| I.1        | Thương hiệu A                                                                    | ...         | ... | ... | ...         | ... | ... | ...         |
| I.2        | Thương hiệu B                                                                    | ...         | ... | ... | ...         | ... | ... | ...         |
|            | (Thương hiệu khác)                                                               | ...         | ... | ... | ...         | ... | ... | ...         |
| <b>II</b>  | <b>XUẤT KHẨU VÀNG MIÉNG (II=II.1 + II.2+ ...)</b><br>(chi tiết theo thương hiệu) | ...         |     |     |             | ... | ... | ...         |
| II.1       | Thương hiệu A                                                                    | ...         | ... | ... | ...         | ... | ... | ...         |
| II.2       | Thương hiệu B                                                                    | ...         | ... | ... | ...         | ... | ... | ...         |
|            | (Thương hiệu khác)                                                               | ...         | ... | ... | ...         | ... | ... | ...         |
| <b>III</b> | <b>NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU</b>                                                | ...         | ... | ... | ...         | ... | ... | ...         |

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên, điện thoại liên hệ)

**Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp/ngân hàng  
thương mại**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- 1. Đơn vị gửi báo cáo:** NHTM, doanh nghiệp được cấp phép xuất khẩu/ nhập khẩu vàng miếng/nhập khẩu vàng nguyên liệu.
- 2. Yêu cầu số liệu báo cáo:** Trữ sở chính của NHTM, doanh nghiệp tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi NHNN.
- 3. Đơn vị nhận báo cáo:** NHNN (Cục Quản lý ngoại hối)
- 4. Thời hạn gửi báo cáo:** chậm nhất vào ngày 08 của tháng tiếp theo tháng báo cáo (đối với báo cáo tháng), chậm nhất vào ngày 15 của tháng 01 năm tiếp theo năm báo cáo (đối với báo cáo năm).
- 5. Hướng dẫn lập báo cáo:**
  - Số liệu vàng được thống kê trong báo cáo này là vàng có hàm lượng từ 99,5% trở lên.
  - Giá trị xuất/ nhập khẩu quy USD: là giá trị xuất/ nhập khẩu đã bao gồm các loại chi phí theo hợp đồng xuất/ khẩu nhập khẩu
  - Hạn mức còn lại tại cột (9): bằng Hạn mức cấp theo Giấy phép tại cột (5) – Khối lượng xuất/ nhập khẩu thực tế tại cột (6).
  - Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.

Tên DOANH NGHIỆP/  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

PHỤ LỤC SỐ 27  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày ... tháng ... năm ....

Kính gửi: Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀNG**

(áp dụng cho các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép xuất khẩu/ nhập khẩu  
vàng miếng/ nhập khẩu vàng nguyên liệu)

Báo cáo từ ... đến ...

Đơn vị: Kg vàng

| STT | Nội dung                      | Hạn mức được cấp | Khối lượng đã thực hiện                                                                              |
|-----|-------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Xuất khẩu vàng miếng          |                  |                                                                                                      |
| 2   | Nhập khẩu vàng miếng          |                  |                                                                                                      |
| 3   | Nhập khẩu vàng<br>nguyên liệu |                  | (nêu rõ tình hình sử dụng vàng<br>nguyên liệu đã nhập khẩu theo mục<br>đích tại Giấy phép nhập khẩu) |

Người lập biểu  
(Ký, họ tên, số điện thoại)

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp/  
ngân hàng thương mại  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Tên DOANH NGHIỆP/TCTD

Kính gửi: Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Cục quản lý ngoại hối)

**BÁO CÁO DOANH SỐ MUA, BÁN VÀNG MIẾNG HÀNG NGÀY**

(Áp dụng đối với các TCTD/ doanh nghiệp được NHNN cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng)

Ngày ... tháng ... năm ...

| STT        | Khách hàng                                                              | Mã TCTD/<br>Doanh nghiệp/<br>CCCD của cá nhân | Doanh số mua               |                        | Doanh số bán               |                        |
|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------|------------------------|----------------------------|------------------------|
|            |                                                                         |                                               | Khối lượng<br>(lượng vàng) | Giá trị<br>(triệu VNĐ) | Khối lượng<br>(lượng vàng) | Giá trị<br>(triệu VNĐ) |
| (1)        | (2)                                                                     | (3)                                           | (4)                        | (5)                    | (6)                        | (7)                    |
| <b>I</b>   | <b>Tổng TCTD (<math>I = I.1 + I.2 + \dots + I.n</math>)</b>             |                                               | ...                        | ...                    | ...                        | ...                    |
| I.1        | TCTD 1                                                                  | ...                                           | ...                        | ...                    | ...                        | ...                    |
| I.2        | TCTD 2                                                                  | ...                                           | ...                        | ...                    | ...                        | ...                    |
|            | ...                                                                     | ...                                           | ...                        | ...                    | ...                        | ...                    |
| I.n        | TCTD n                                                                  | ...                                           | ...                        | ...                    | ...                        | ...                    |
| <b>II</b>  | <b>Tổng doanh nghiệp (<math>II = II.1 + II.2 + \dots + II.n</math>)</b> |                                               | ...                        | ...                    | ...                        | ...                    |
| II.1       | Doanh nghiệp 1                                                          | ...                                           | ...                        | ...                    | ...                        | ...                    |
| II.2       | Doanh nghiệp 2                                                          | ...                                           | ...                        | ...                    | ...                        | ...                    |
|            | ...                                                                     | ...                                           | ...                        | ...                    | ...                        | ...                    |
| II.n       | Doanh nghiệp n                                                          | ...                                           | ...                        | ...                    | ...                        | ...                    |
| <b>III</b> | <b>Tổng cá nhân (<math>III = III.1 + III.2 + \dots + III.n</math>)</b>  |                                               | ...                        | ...                    | ...                        | ...                    |
| III.1      | Cá nhân 1                                                               | ...                                           | ...                        | ...                    | ...                        | ...                    |
| III.2      | Cá nhân 2                                                               | ...                                           | ...                        | ...                    | ...                        | ...                    |
|            | ...                                                                     | ...                                           | ...                        | ...                    | ...                        | ...                    |
| III.n      | Cá nhân n                                                               | ...                                           | ...                        | ...                    | ...                        | ...                    |
| <b>IV</b>  | <b>Tổng TCTD, doanh nghiệp, cá nhân (<math>IV = I+II+III</math>)</b>    |                                               | ...                        | ...                    | ...                        | ...                    |

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)

**Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp/tổ chức tín dụng**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- 1. Đơn vị gửi báo cáo:** TCTD, doanh nghiệp được NHNN cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng
- 2. Yêu cầu số liệu báo cáo:** Trữ sở chính của TCTD, doanh nghiệp tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi NHNN tổng doanh số mua, bán vàng miếng trong ngày.
- 3. Đơn vị nhận báo cáo:** NHNN (Cục Quản lý ngoại hối)
- 4. Thời hạn gửi báo cáo:** chậm nhất 14 giờ ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày báo cáo.
- 5. Hướng dẫn lập báo cáo:**
  - Các cột (4) và (5): là khối lượng và giá trị vàng miếng của TCTD/ doanh nghiệp **mua vào** trong ngày báo cáo.
  - Các cột (6) và (7): là khối lượng và giá trị vàng miếng của TCTD/ doanh nghiệp **bán ra** trong ngày báo cáo.
  - Yêu cầu báo cáo cụ thể số liệu của từng TCTD/doanh nghiệp/cá nhân.
  - **Nhập tên** TCTD/doanh nghiệp/cá nhân vào cột (2), **nhập mã** TCTD/doanh nghiệp/CCCD cá nhân vào cột (3).
  - Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.

Tên DOANH NGHIỆP/NHTM

... , ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Cục quản lý ngoại hối)

**BÁO CÁO NGUỒN NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT VÀNG MIẾNG**  
*(Áp dụng cho doanh nghiệp, NHTM được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng)*  
**Tháng ... năm ...**

|            | <b>Nguồn nguyên liệu</b>                                                                                                | <b>Giấy phép nhập khẩu<br/>(áp dụng đối với nguồn SX từ NK)</b> | <b>Thương hiệu<br/>(áp dụng đối với vàng miếng)</b> | <b>Khối lượng<br/>(kg)</b> |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------|
| (1)        | (2)                                                                                                                     | (3)                                                             | (4)                                                 | (5)                        |
| <b>I</b>   | <b>Vàng do NHTM/ doanh nghiệp tự nhập khẩu để sản xuất vàng miếng (= I.1 + I.2). Trong đó:</b>                          |                                                                 |                                                     | ...                        |
| I.1        | Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng từ 99,5% trở lên)                                                                        | ...                                                             |                                                     | ...                        |
| I.2        | Vàng miếng                                                                                                              | ...                                                             | ...                                                 | ...                        |
| <b>II</b>  | <b>Vàng do NHTM/ doanh nghiệp mua từ NHTM/ doanh nghiệp khác để sản xuất vàng miếng (=II.1 + II.2). Trong đó:</b>       |                                                                 |                                                     | ...                        |
| II.1       | Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng từ 99,5% trở lên)                                                                        |                                                                 |                                                     | ...                        |
| II.2       | Vàng miếng                                                                                                              |                                                                 |                                                     | ...                        |
| <b>III</b> | <b>Vàng do NHTM/ doanh nghiệp mua từ nguồn khác để sản xuất vàng miếng (KH cá nhân...) (= III.1 + III.2). Trong đó:</b> |                                                                 |                                                     | ...                        |
| III.1      | Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng từ 99,5% trở lên)                                                                        |                                                                 |                                                     | ...                        |
| III.2      | Vàng miếng                                                                                                              |                                                                 |                                                     | ...                        |
| <b>IV</b>  | <b>Tổng (= I+II+III)</b>                                                                                                |                                                                 |                                                     | ...                        |

**Người lập biểu**  
*(Ký, họ tên, số điện thoại)*

**Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp/  
 ngân hàng thương mại**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

- Đơn vị gửi báo cáo:** NHTM, doanh nghiệp được cấp phép sản xuất vàng miếng
- Yêu cầu số liệu báo cáo:** Trữ sở chính của NHTM, doanh nghiệp tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi NHNN
- Đơn vị nhận báo cáo:** NHNN (Cục Quản lý ngoại hối)
- Thời hạn gửi báo cáo:** chậm nhất vào ngày 08 của tháng tiếp theo tháng báo cáo (đối với báo cáo tháng), chậm nhất vào ngày 15 của tháng 01 năm tiếp theo năm báo cáo (đối với báo cáo năm).
- Hướng dẫn lập báo cáo:** Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.

TÊN DOANH NGHIỆP/NHTM

Kính gửi: Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Cục quản lý ngoại hối)  
**BÁO CÁO DOANH SỐ MUA, BÁN VÀNG NGUYÊN LIỆU**  
 Tháng ... / Năm ...

| (1)        | (2)                                                          | Doanh nghiệp        |             | Doanh số mua |              | Doanh số bán |                     |
|------------|--------------------------------------------------------------|---------------------|-------------|--------------|--------------|--------------|---------------------|
|            |                                                              | CCCTV (tên cá nhân) | Tên cá nhân | Đơn vị (VNĐ) | Đơn vị (VNĐ) | Đơn vị (VNĐ) | Giá trị (triệu VNĐ) |
| (1)        | (2)                                                          | (3)                 | (4)         | (5)          | (6)          | (7)          | (7)                 |
| <b>I</b>   | <b>Tổng cá nhân (I = I.1 + I.2 + ... + I.n)</b>              |                     | ...         | ...          | ...          | ...          | ...                 |
| I.1        | Cá nhân 1                                                    | ...                 | ...         | ...          | ...          | ...          | ...                 |
| I.2        | Cá nhân 2                                                    | ...                 | ...         | ...          | ...          | ...          | ...                 |
|            | ...                                                          | ...                 | ...         | ...          | ...          | ...          | ...                 |
| I.n        | Cá nhân n                                                    | ...                 | ...         | ...          | ...          | ...          | ...                 |
| <b>II</b>  | <b>Tổng TCTD (II = II.1 + II.2 + ... + II.n)</b>             |                     | ...         | ...          | ...          | ...          | ...                 |
| II.1       | TCTD 1                                                       | ...                 | ...         | ...          | ...          | ...          | ...                 |
| II.2       | TCTD 2                                                       | ...                 | ...         | ...          | ...          | ...          | ...                 |
|            | ...                                                          | ...                 | ...         | ...          | ...          | ...          | ...                 |
| II.n       | TCTD n                                                       | ...                 | ...         | ...          | ...          | ...          | ...                 |
| <b>III</b> | <b>Tổng doanh nghiệp (III = III.1 + III.2 + ... + III.n)</b> |                     | ...         | ...          | ...          | ...          | ...                 |
| III.1      | Doanh nghiệp 1                                               | ...                 | ...         | ...          | ...          | ...          | ...                 |
| III.2      | Doanh nghiệp 2                                               | ...                 | ...         | ...          | ...          | ...          | ...                 |
|            | ...                                                          | ...                 | ...         | ...          | ...          | ...          | ...                 |
| III.n      | Doanh nghiệp n                                               | ...                 | ...         | ...          | ...          | ...          | ...                 |
| <b>IV</b>  | <b>Tổng cá nhân, TCTD và doanh nghiệp (IV = I+II+III)</b>    |                     | ...         | ...          | ...          | ...          | ...                 |

Người lập biểu  
 (Ký, họ tên, điện thoại)

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp/ngân hàng thương mại  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

- 1. Đơn vị gửi báo cáo:** NHTM, doanh nghiệp được NHNN cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng
- 2. Yêu cầu số liệu báo cáo:** Trụ sở chính của NHTM/doanh nghiệp tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi NHNN, tổng khối lượng vàng mua, bán vàng nguyên liệu trong tháng theo từng khách hàng TCTD/doanh nghiệp/cá nhân
- 3. Đơn vị nhận báo cáo:** NHNN (Cục Quản lý ngoại hối)
- 4. Thời hạn gửi báo cáo:** chậm nhất vào ngày 08 của tháng tiếp theo tháng báo cáo (đối với báo cáo tháng), chậm nhất vào ngày 15 của tháng 01 năm tiếp theo năm báo cáo (đối với báo cáo năm).
- 5. Hướng dẫn lập báo cáo:**
  - Yêu cầu báo cáo cụ thể số liệu của từng khách hàng TCTD/ doanh nghiệp/cá nhân.
  - Các cột (4), (5) là doanh số **mua** vàng nguyên liệu từ khách hàng của NHTM/ doanh nghiệp.
  - Các cột (6), (7) là doanh số **bán** vàng nguyên liệu cho khách hàng của NHTM/ doanh nghiệp.
  - **Nhập tên** TCTD/doanh nghiệp/cá nhân vào cột (2), **nhập mã** TCTD/doanh nghiệp/CCCD cá nhân vào cột (3).
  - Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.